TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐỒNG NAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 188/2026/HNGĐ-ST.
Ngày: 30-6-2026.
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Nguyên Vũ.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thanh Phương.
Ông Võ Phi Hồng.
***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thu - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai.
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đồng Nai *tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Hồng Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 211/2026/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2026 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 151/2026/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 134/2026/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Đặng Thị Hoài T**, sinh năm 2000
Địa chỉ thường trú: 42/6, ấp C, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh.
Bị đơn: Anh **Trần Văn Đ**, sinh năm 1985
Địa chỉ thường trú: Ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai (nay là khu phố A, phường L, thành phố Đ).

(Chị T, A đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đặng Thị Hoài T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn Đ tự tìm hiểu và xây dựng gia đình với nhau năm 2023, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là UBND xã B, Thành phố Hồ Chí Minh). Được UBND xã X cấp giấy chứng nhận kết hôn số 50 ngày 23/3/2023. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn nhưng sau đó phát sinh mẫu thuẫn vì không có tiếng nói chung và không hòa hợp với nhau về

mọi mặt trong cuộc sống vợ chồng. Anh Đ không có tiếng nói chung với gia đình chị T, khi chị T sinh con được một tháng thì anh Đ bỏ mặc, một mình chị T nuôi con cho đến nay. Do mâu thuẫn trầm trọng nên anh chị đã ly thân được gần một năm nay. Chị xác định không còn tình cảm với anh Đ, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Chị yêu cầu ly hôn anh Trần Văn Đ.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Cát Gia A, sinh ngày 26/01/2025. Sau khi ly hôn chị Thương yêu C được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Trần Văn Đ được tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và Quyết định đưa vụ án ra xét xử cũng như Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Đ không đến Tòa án cung cấp chứng cứ và tham gia tố tụng giải quyết vụ án nên không có lời trình bày của anh Đ.

3. Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong việc xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, tư cách tố tụng, thu thập chứng cứ và tiến hành tố tụng đúng quy định. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn được đảm bảo về quyền và lợi ích hợp pháp. Nguyên đơn thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định, bị đơn chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Về ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đặng Thị Hoài T đối với bị đơn anh Trần Văn Đ, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh Đ; Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Cát Gia A, sinh ngày 26/01/2025. Xét thấy, chị T có yêu cầu nuôi dưỡng con chung cháu A và hiện tại cháu A đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng nên đề nghị xử giao cháu A cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng: Chị T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét; Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Đặng Thị Hoài T khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Trần Văn Đ, yêu cầu giải quyết về người trực tiếp nuôi con. Do đó, Tòa án thụ lý vụ án hôn nhân gia đình với quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Trần Văn Đ đăng ký thường trú và hiện đang sinh sống tại: Ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai (nay là khu phố A, phường L, thành phố Đ). Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Đặng Thị Hoài T vắng mặt nhưng có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; Bị đơn anh Trần Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh Đ.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị Hoài T và anh Trần Văn Đ tự nguyện tìm hiểu và xây dựng gia đình với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là UBND xã B, Thành phố Hồ Chí Minh) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 50 ngày 23/3/2023 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên đơn chị T trình bày trong thời gian chung sống, chị và anh Đ bất đồng quan điểm sống, hai vợ chồng không còn tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn. Mục đích hôn nhân không đạt được. Chị và anh Đ đã ly thân gần một năm nay, không có khả năng đoàn tụ. Chị xác định không còn tình cảm với anh Đ, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Chị yêu cầu ly hôn anh Trần Văn Đ. Khi Tòa án triệu tập chị T và anh Đ đến Tòa án để hòa giải cho anh chị đoàn tụ nhưng anh Đ không có mặt hòa giải, chị T vẫn giữ yêu cầu ly hôn, không đồng ý hòa giải nên không tiến hành hòa giải được.

Xét thấy, hôn nhân giữa chị T và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị T đối với anh Đ, xử cho chị T ly hôn anh Đ.

Về con chung: Chị T và anh Đ có 01 con chung tên Trần Cát Gia A, sinh ngày 26/01/2025. Xét thấy, cháu A hiện đang do chị T nuôi dưỡng và chị T có yêu cầu nuôi con. Do đó, để đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con, cần xử giao cháu A cho chị T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Chị T không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung: Chị T khai không có nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Chị T khai không có nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Đặng Thị Hoài T khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Trần Văn Đ nên chị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003089 ngày 02/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đ (nay là Thi hành án dân sự thành phố Đ). Chị T đã nộp đủ án phí.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đặng Thị Hoài T đối với bị đơn anh Trần Văn Đ về ly hôn, tranh chấp nuôi con.

1. Xử cho chị Đặng Thị Hoài T ly hôn anh Trần Văn Đ.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Cát Gia A, sinh ngày 26/01/2025.

Xử giao cháu Trần Cát Gia A, sinh ngày 26/01/2025 cho chị Đặng Thị Hoài T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Không xem xét.

Sau khi ly hôn, chị T, anh Đ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ, hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên, cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Chị Đặng Thị Hoài T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003089 ngày 02/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đ (nay là Thi hành án dân sự thành phố Đ). Chị T đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Đặng Thị Hoài T, anh Trần Văn Đ có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND khu vực 2 – Đồng Nai;
- Thi hành án dân sự thành phố Đồng Nai;
- UBND xã Bà Điểm, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Nguyên Vũ